

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	10			15			55				
1	112310731	Đoàn Trọng Báu	K12KKT1	6	5	6			7.5			4.0	5.0	Năm		
2	112310739	Hồ Ngô Thu Hiền	K12KKT1	10	10	8			6.4			7.1	7.7	Bảy phẩy Bảy		
3	112310744	Phạm Thị Phương Hoa	K12KKT1	10	8	7.5			6.9			4.5	6.1	Sáu phẩy Một		
4	122310733	Dương Thị Đông	K12KKT1	10	6	7			5.4			5.4	6.1	Sáu phẩy Một		
5	122310735	Vũ Thị Kim Anh	K12KKT1	10	10	9.5			8			7.6	8.3	Tám phẩy Ba		
6	122310736	Nguyễn Thị Trâm Anh	K12KKT1	9	8	7			6.5			5.2	6.2	Sáu phẩy Hai		
7	122310740	Nguyễn Năng Anh	K12KKT1	6	7	5			7.4			6.2	6.3	Sáu phẩy Ba		
8	122310741	Nguyễn Thị Lê Anh	K12KKT1	10	10	6			5.6			5.7	6.6	Sáu phẩy Sáu		
9	122310743	Cao Thị Trường Bắc	K12KKT1	9	9	7.5			6.4			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám		
10	122310746	Trình Thị Lệ Chi	K12KKT1	10	10	6.5			6.4			6.4	7.1	Bảy phẩy Một		
11	122310749	Lê Thị Dân	K12KKT1	9	9.5	7			8			9.1	8.8	Tám phẩy Tám		
12	122310750	Trần Thị Dương	K12KKT1	10	10	7			8.8			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn		
13	122310754	Trương Thị Thuý Diễm	K12KKT1	10	10	9			6.5			6.1	7.2	Bảy phẩy Hai		
14	122310758	Trần Thuý Dung	K12KKT1	10	6	7			7.6			7.7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
15	122310762	Nguyễn Thị Hải Duyên	K12KKT1	9	9	7.5			6.9			5.4	6.6	Sáu phẩy Sáu		
16	122310764	Võ Thị Ngọc Duyên	K12KKT1	8	9	8			6.8			6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
17	122310766	Hoàng Thị Hằng Giang	K12KKT1	10	10	8			6.9			5.8	7.0	Bảy		
18	122310769	Nguyễn Thị Thuý Giang	K12KKT1	10	10	8			7.8			8.3	8.5	Tám phẩy Năm		
19	122310771	Mai Thị Hương Giang	K12KKT1	9	8	7.5			6.8			5.7	6.6	Sáu phẩy Sáu		
20	122310776	Trần Phạm Ngọc Hân	K12KKT1	10	10	9.5			7			5.9	7.2	Bảy phẩy Hai		
21	122310778	Cao Trần Khánh Hương	K12KKT1	8.5	9	9			6.5			5.9	6.9	Sáu phẩy Chín		
22	122310784	Nguyễn Thị Ngọc Hà	K12KKT1	9	7	5			5.5			5.4	5.9	Năm phẩy Chín		
23	122310785	Nguyễn Thị Hà	K12KKT1	10	10	7			8.2			7.6	8.1	Tám phẩy Một		
24	122310787	Nguyễn Thị Ngọc Hà	K12KKT1	9	9	8			6.5			8.6	8.3	Tám phẩy Ba		
25	122310789	Đinh Thị Mỹ Hạnh	K12KKT1	9.5	9	8			5.6			6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
26	122310790	Trần Thị Mỹ Hạnh	K12KKT1	10	10	10			7.5			8.3	8.7	Tám phẩy Bảy		
27	122310796	Châu Thị Khánh Hoà	K12KKT1	8	9	6.5			7.4			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám		
28	122310801	Lê Thanh Hoàng	K12KKT1	7	7	7			7.5			6.6	6.9	Sáu phẩy Chín		
29	122310803	Trần Thị Huệ	K12KKT1	9	9	7.5			7			5.4	6.6	Sáu phẩy Sáu		
30	122310806	Trần Thị Thu Huyền	K12KKT1	10	10	7.5			4.8			5.4	6.4	Sáu phẩy Bốn		
31	122310812	Nguyễn Thị Lan	K12KKT1	9	9.5	7			7.8			8.0	8.1	Tám phẩy Một		
32	122310819	Trần Thị Mỹ Linh	K12KKT1	10	10	7			7.4			8.3	8.4	Tám phẩy Bốn		

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	10			15			55				
33	122310821	Nguyễn Hoàng Linh	K12KKT1	9	7	7.5			5.8			5.3	6.1	Sáu phẩy Một		
34	122310830	Trình Phương Minh	K12KKT1	8.5	8.5	8			7.6			7.4	7.7	Bảy phẩy Bảy		
35	122310837	Phan Thị Ngân	K12KKT1	10	10	9			7.8			5.4	7.0	Bảy		
36	122310842	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K12KKT1	10	10	6.5			6.6			6.9	7.4	Bảy phẩy Bốn		
37	122310845	Võ Thị Thuỳ Ngọc	K12KKT1	10	10	6.5			7			6.8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
38	122310851	Phạm Thị Thành Nhân	K12KKT1	10	7	7			7.8			6.2	7.0	Bảy		
39	122310858	Trần Thị Lan Phương	K12KKT1	9	8	8			9			4.8	6.5	Sáu phẩy Năm		
40	122310866	Nguyễn Văn Phong	K12KKT1	9	5	8.5			7.4			4.9	6.1	Sáu phẩy Một		
41	122310868	Ngô Thị Ngọc Quỳnh	K12KKT1	10	7	9			7.8			6.4	7.3	Bảy phẩy Ba		
42	122310871	Nguyễn Hồng Sơn	K12KKT1	9	8	8			8			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
43	122310887	Nguyễn Thị Thanh Thảo	K12KKT1	9	7	9			8.3			7.1	7.7	Bảy phẩy Bảy		
44	122310890	Lô Thanh Thắm	K12KKT1	9	8	6			7.8			5.9	6.7	Sáu phẩy Bảy		
45	122310897	Nguyễn Thị Thúy	K12KKT1	10	5	9			7.4			5.4	6.5	Sáu phẩy Năm		
46	122310904	Trần Thị Thu Thuỷ	K12KKT1	10	7	6			7.8			4.7	6.1	Sáu phẩy Một		
47	122310909	Nguyễn Thanh Tùng	K12KKT1	8	7	9			9			4.8	6.4	Sáu phẩy Bốn		
48	122310911	Nguyễn Thị Ngọc Tú	K12KKT1	3	5	8			5.5			6.6	6.1	Sáu phẩy Một		
49	122310915	Ngô Thị Thu Trang	K12KKT1	8	7	7			7.5			7.0	7.2	Bảy phẩy Hai		
50	122310923	Lê Anh Tuấn	K12KKT1	8	9	7			6.5			6.6	7.0	Bảy		
51	122310928	Đặng Thị Hồng Vân	K12KKT1	10	8	8			7.8			5.9	7.0	Bảy		
52	122310934	Trần Thị Yến	K12KKT1	7	8	7			7.8			5.8	6.6	Sáu phẩy Sáu		
53	122310935	Trần Thị Thu Hà	K12KKT1	10	10	9.5			9.7			9.2	9.5	Chín phẩy Năm		
54	122310732	Nguyễn Thị Âu	K12KKT2	8	8	7			5.8			4.2	5.5	Năm phẩy Năm		
55	122310738	Traần Thị Kim Anh	K12KKT2	10	10	7			7			7.8	8.0	Tám		
56	122310742	Nguyễn Bảo	K12KKT2	10	9	8			5.3			5.6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
57	122310752	Nguyễn Thành Danh	K12KKT2	10	10	7.5			7.6			8.3	8.5	Tám phẩy Năm		
58	122310759	Trần Thị Phương Dung	K12KKT2	10	10	9			7			6.2	7.4	Bảy phẩy Bốn		
59	122310761	Trần Nữ Hồng Duyên	K12KKT2	10	10	8			7.4			9.0	8.9	Tám phẩy Chín		
60	122310765	Đỗ Thị Cẩm Giang	K12KKT2	10	10	8			6.2			8.3	8.3	Tám phẩy Ba		
61	122310772	Trần Thị Thuý Hằng	K12KKT2	8	9	7			5.7			5.0	6.0	Sáu		
62	122310780	Bùi Thị Thu Hương	K12KKT2	10	10	7.5			6.4			8.0	8.1	Tám phẩy Một		
63	122310783	Lê Thị Ngọc Hà	K12KKT2	10	6	7.5			6			6.6	6.9	Sáu phẩy Chín		
64	122310786	Nguyễn Thị Ngân Hà	K12KKT2	10	10	7			6.8			7.8	8.0	Tám		

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	10			15			55				
65	122310792	Trình Huy	Hùng	K12KKT2	8	8	7			6.5			6.6	6.9	Sáu phẩy Chín	
66	122310797	Lê Thị	Hoà	K12KKT2	10	6	6.5			5.4			4.7	5.6	Năm phẩy Sáu	
67	122310799	Phan Vinh	Hoàng	K12KKT2	8	7	7.5			6			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
68	122310802	Trần Thị	Hoa	K12KKT2	10	10	6.5			6.8			7.1	7.6	Bảy phẩy Sáu	
69	122310808	Kiều Thị Thanh	Huyền	K12KKT2	10	10	7			7.4			6.9	7.6	Bảy phẩy Sáu	
70	122310816	Nguyễn Trí	Linh	K12KKT2	10	10	9			7			5.5	7.0	Bảy	
71	122310820	Nguyễn Thị Mai	Linh	K12KKT2	9.5	9	8			7.2			5.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
72	122310832	Trần Thị Ngọc	Minh	K12KKT2	10	10	6.5			7.8			6.1	7.2	Bảy phẩy Hai	
73	122310838	Trần Thị Vân	Nga	K12KKT2	10	8	7			8.8			6.4	7.3	Bảy phẩy Ba	
74	122310843	Đỗ Uyên Thiên	Ngọc	K12KKT2	9	8	9			8			6.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
75	122310853	Trần Thị Thanh	Nhi	K12KKT2	10	10	7			7.6			6.6	7.5	Bảy phẩy Năm	
76	122310859	Nguyễn Thị Thanh	Phương	K12KKT2	10	8	8			8.8			7.3	7.9	Bảy phẩy Chín	
77	122310862	Trần Văn	Phi	K12KKT2	9	8	7			7.3			4.9	6.2	Sáu phẩy Hai	
78	122310867	Nguyễn Thị Như	Phụng	K12KKT2	8	8	2			5.5			3.2	4.4	Bốn phẩy Bốn	
79	122310874	Nguyễn Thị	Sen	K12KKT2	10	10	7			8.8			5.5	7.0	Bảy	
80	122310881	Nguyễn Thị	Thành	K12KKT2	10	7	7			8.5			3.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
81	122310883	Nguyễn Hà	Thảo	K12KKT2	9	9	9.5			8			6.2	7.4	Bảy phẩy Bốn	
82	122310885	Phạm Thị Thanh	Thảo	K12KKT2	9	8	9.5			8.2			5.9	7.1	Bảy phẩy Một	
83	122310886	Hà Thị Thu	Thảo	K12KKT2	7	6	4			4			5.7	5.4	Năm phẩy Bốn	
84	122310888	Phùng Thị Thanh	Thảo	K12KKT2	10	7	8			8.5			4.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
85	122310896	Nguyễn Trịnh	Thủy	K12KKT2	9	7	7			6.3			6.3	6.7	Sáu phẩy Bảy	
86	122310898	Lê Văn	Thịnh	K12KKT2	8	7	7			9			3.6	5.5	Năm phẩy Năm	
87	122310899	Trần Thị	Thuận	K12KKT2	9	7	6			8.5			5.8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
88	122310902	Nguyễn Thị	Thuỳ	K12KKT2	9	7	4			6.8			4.6	5.6	Năm phẩy Sáu	
89	122310905	Nguyễn Hoàng Phương	Thúy	K12KKT2	8	5	9			7			7.9	7.6	Bảy phẩy Sáu	
90	122310907	Đặng Thị	Thuyền	K12KKT2	10	10	9.5			8.8			8.4	8.9	Tám phẩy Chín	
91	122310910	Nguyễn Thị	Tiếp	K12KKT2	9	8	5			8.5			4.5	6.0	Sáu	
92	122310913	Lê Thị Huyền	Trâm	K12KKT2	10	10	9.5			8.7			7.4	8.3	Tám phẩy Ba	
93	122310914	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K12KKT2	9	10	9.5			8.9			7.0	8.0	Tám	
94	122310916	Phan Thị Thu	Trang	K12KKT2	9	7	6			8.3			5.1	6.3	Sáu phẩy Ba	
95	122310917	Trình Thị Thanh	Trang	K12KKT2	10	7	8			7.8			6.4	7.2	Bảy phẩy Hai	
96	122310921	Võ Quốc	Trường	K12KKT2	8	8	8			8.5			6.4	7.2	Bảy phẩy Hai	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	10			15			55				
97	122310924	Phạm Trung Tuyên	K12KKT2	9	9	9			7.3			8.2	8.3	Tám phẩy Ba		
98	122310926	Dương Thuỳ Vân	K12KKT2	10	7	6			8.8			5.3	6.5	Sáu phẩy Năm		
99	122310927	Trần Thị Thùy Vân	K12KKT2	9	10	9.5			8.5			8.7	8.9	Tám phẩy Chín		
100	122310929	Phạm Thị Cẩm Vân	K12KKT2	9	7	8			6			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
101	122310933	Lê Thị Yến	K12KKT2	9	9	9.5			6.3			7.9	8.0	Tám		
102	122310939	Trần Thanh Trâm	K12KKT2	9	8	6			7.3			3.6	5.4	Năm phẩy Bốn		
103	122310943	Nguyễn Thị Kim Oanh	K12KKT2	10	7	8			8			4.4	6.1	Sáu phẩy Một		
104	122310944	Huỳnh Thị Phương Mai	K12KKT2	9	10	9.5			8.2			8.0	8.5	Tám phẩy Năm		
105	122310734	Nguyễn Thành Đồng	K12KKT3	9	9	6			6.3			3.7	5.4	Năm phẩy Bốn		
106	122310737	Hồ Đắc Quỳnh Anh	K12KKT3	10	6	6			6			5.9	6.3	Sáu phẩy Ba		
107	122310745	Phạm Thị Minh Châu	K12KKT3	10	6	6			7.6			6.8	7.1	Bảy phẩy Một		
108	122310753	Võ Nữ Phước Diễm	K12KKT3	9	9	8			7.1			5.0	6.4	Sáu phẩy Bốn		
109	122310757	Hoàng Thị Thuỳ Dung	K12KKT3	8	5	7			6.6			7.4	7.1	Bảy phẩy Một		
110	122310760	Lê Thị Dung	K12KKT3	10	9	7.5			5.6			5.6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
111	122310767	Trần Khánh Giang	K12KKT3	9	8	6			6			6.8	6.9	Sáu phẩy Chín		
112	122310774	Lê Thị Thu Hằng	K12KKT3	10	10	8			7			5.4	6.8	Sáu phẩy Tám		
113	122310777	Nguyễn Thị Hoài Hương	K12KKT3	10	10	7.5			7.2			7.2	7.8	Bảy phẩy Tám		
114	122310782	Đinh Thị Mai Hương	K12KKT3	9	10	8			6.7			7.3	7.7	Bảy phẩy Bảy		
115	122310788	Lê Thị Hồng Hạnh	K12KKT3	10	10	9.5			7			7.7	8.2	Tám phẩy Hai		
116	122310793	Phạm Thị Hiền	K12KKT3	10	6	6.5			6.4			6.0	6.5	Sáu phẩy Năm		
117	122310794	Phan Thị Vũ Hiền	K12KKT3	10	10	6.5			5.2			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
118	122310795	Bùi Thị Thu Hiền	K12KKT3	9	8	7			6.5			4.3	5.7	Năm phẩy Bảy		
119	122310798	Võ Thị Hoài	K12KKT3	9.5	8	6			5.9			6.1	6.6	Sáu phẩy Sáu		
120	122310800	Lương Minh Hoàng	K12KKT3	10	9.5	8			6.3			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai		
121	122310804	Ngô Thị Hồng Huế	K12KKT3	10	10	6.5			6.4			7.0	7.5	Bảy phẩy Năm		
122	122310807	Võ Thị Thanh Huyền	K12KKT3	10	10	9			8.5			7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
123	122310809	Phan Thị Minh Huyền	K12KKT3	10	10	7.5			8.4			8.2	8.5	Tám phẩy Năm		
124	122310810	Đặng Phương Huyền	K12KKT3	10	10	7.5			6.2			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
125	122310811	Hoàng Bích La	K12KKT3	10	10	8			7.5			6.2	7.3	Bảy phẩy Ba		
126	122310815	Văn Tất Lợi	K12KKT3	8	7	6			5.5			6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
127	122310817	Phạm Ngọc Linh	K12KKT3	10	10	7			6.4			7.4	7.7	Bảy phẩy Bảy		
128	122310822	Đỗ Thị Thu Loan	K12KKT3	10	10	7			7.8			8.0	8.3	Tám phẩy Ba		

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	10			15			55				
129	122310823	Trần Thị Thanh Loan	K12KKT3	10	10	8			8			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn		
130	122310828	Nguyễn Hữu Minh	K12KKT3	6	7	8			6.1			6.9	6.8	Sáu phẩy Tám		
131	122310833	Hoàng Thị Hà My	K12KKT3	9	8	8			7.2			7.2	7.5	Bảy phẩy Năm		
132	122310834	Nguyễn Đức Nam	K12KKT3	9	7	8			8.8			5.1	6.5	Sáu phẩy Năm		
133	122310835	Nguyễn Trần Bích Ngân	K12KKT3	10	7	7			7			6.6	7.1	Bảy phẩy Một		
134	122310839	Văn Thị Ánh Nga	K12KKT3	10	10	6.5			7.8			6.7	7.5	Bảy phẩy Năm		
135	122310841	Hoàng Thị Thuỳ Nga	K12KKT3	10	10	8			7.5			6.4	7.4	Bảy phẩy Bốn		
136	122310846	Huỳnh Thị Ngọt	K12KKT3	10	10	7.5			6.6			6.8	7.5	Bảy phẩy Năm		
137	122310848	Lê Thị Minh Nguyệt	K12KKT3	10	6	7.5			8			7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu		
138	122310852	Lê Thị Kim Nhân	K12KKT3	10	7	5			7.5			5.4	6.3	Sáu phẩy Ba		
139	122310854	Lê Thị Hồng Nhung	K12KKT3	10	10	7			6.6			6.8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
140	122310855	Lê Thị Nhung	K12KKT3	10	7	9			6.3			6.9	7.3	Bảy phẩy Ba		
141	122310861	Nguyễn Văn Phưởng	K12KKT3	7	5	6			6.5			5.4	5.7	Năm phẩy Bảy		
142	122310863	Huỳnh Tấn Phước	K12KKT3	10	7	8			8.8			2.6	5.3	Năm phẩy Ba		
143	122310869	Nguyễn Thị Thanh Quyên	K12KKT3	10	7	7			7.8			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám		
144	122310870	Nguyễn Văn Sáng	K12KKT3	0	0	0			7.8			V	V	Vắng		
145	122310873	Nguyễn Thị Hương Sen	K12KKT3	10	8	6			5.5			7.0	7.1	Bảy phẩy Một		
146	122310875	Phạm Thị Sen	K12KKT3	10	6	9			5.8			6.1	6.7	Sáu phẩy Bảy		
147	122310880	Nguyễn Thị Ý Thơ	K12KKT3	10	10	9			10			8.3	9.0	Chín		
148	122310884	Lê Thị Mỹ Thảo	K12KKT3	10	7	5			8			4.3	5.8	Năm phẩy Tám		
149	122310900	Võ Thị Tú Thuỳ	K12KKT3	8	5	6			5.5			5.3	5.6	Năm phẩy Sáu		
150	122310903	Phan Thị Thuỷ	K12KKT3	10	10	8.5			8.4			8.0	8.5	Tám phẩy Năm		
151	122310906	Trần Thị Thanh Thuý	K12KKT3	10	10	8			7			6.9	7.6	Bảy phẩy Sáu		
152	122310912	Lê Thanh Tú	K12KKT3	8	5	8.5			6.5			7.3	7.1	Bảy phẩy Một		
153	122310920	Lê Thị Thu Trang	K12KKT3	10	5	8.5			8.3			7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn		
154	122310922	Nguyễn Hữu Quan Trực	K12KKT3	10	7	7			7.3			5.0	6.2	Sáu phẩy Hai		
155	122310932	Phan Hoàng Vy	K12KKT3	9	7	5			9			5.1	6.3	Sáu phẩy Ba		
156	122310938	Nguyễn Thị Thu Huyền	K12KKT3	10	10	9			9.3			9.2	9.4	Chín phẩy Bốn		
157	122310942	Hoàng Thị Liên	K12KKT3	9	5	8.5			6.4			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
158	122310945	Cao Thị Anh	K12KKT3	9	5	9			6			5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn		